

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012



Crowe Horwath™

Công ty Kiểm toán DTL

Thành viên Crowe Horwath International

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo soát xét	3
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2012	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai được thành lập từ việc chuyển đổi nhà máy Sơn Đồng Nai (Doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở Công Nghiệp Đồng Nai) theo Quyết định số 4636/QĐ-TTG ngày 13/12/1999 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai.

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4703000004 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 09 năm 2010.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại đường số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.182.180.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/6/2012 gồm:

- Chi Nhánh đặt tại Khu Công Nghiệp Yên Phong, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, keo Xuất nhập khẩu, nguyên liệu và sản phẩm liên quan đến sơn và keo. Dịch vụ thi công về sơn.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Vũ Đức Đan	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phi Hùng	Phó Chủ tịch
Ông Đào Đình Đề	Thành viên
Liu Chien Hung	Thành viên
Trịnh Minh Trương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Vũ Đức Đan	Giám đốc
Ông Nguyễn Phi Hùng	Phó Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2012

GIÁM ĐỐC



VŨ ĐỨC ĐAN

Số: 12.102/BCSX-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:
Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 23 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2012


TĂNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.088.998.026	32.593.901.603
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.033.718.161	4.192.138.827
1. Tiền	111	5.1	2.033.718.161	3.292.138.827
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	900.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.2	19.003.890.208	15.606.767.490
1. Phải thu khách hàng	131		16.320.291.980	14.451.477.061
2. Trả trước cho người bán	132		34.214.000	93.708.750
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		6.851.627.633	5.263.825.084
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(4.202.243.405)	(4.202.243.405)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	10.946.993.169	12.693.504.571
1. Hàng tồn kho	141		10.946.993.169	12.693.504.571
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		104.396.488	101.490.715
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		36.098.800	29.475.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	68.297.688	72.015.715

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.906.118.030	11.801.676.850
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.551.801.880	6.447.360.700
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	6.139.273.826	6.034.832.646
+ Nguyên giá	222		17.797.992.758	17.044.024.942
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.658.718.932)	(11.009.192.296)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
+ Nguyên giá	228		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	412.528.054	412.528.054
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	5.019.000.000	5.019.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		5.019.000.000	5.019.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		335.316.150	335.316.150
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.8	335.316.150	335.316.150
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		43.995.116.056	44.395.578.453

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

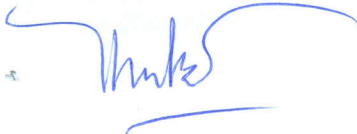
NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		20.289.072.208	21.579.918.103
I. Nợ ngắn hạn	310		19.938.794.301	21.174.544.796
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.19	5.891.542.439	7.378.789.002
2. Phải trả người bán	312	5.10	7.003.076.390	7.238.263.861
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	34.129.550	5.985.519
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	2.267.700.409	849.233.251
5. Phải trả người lao động	315		2.863.391.493	3.089.234.591
6. Chi phí phải trả	316	5.12	841.455.175	1.186.056.875
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	470.514.550	562.524.715
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		566.984.295	864.456.982
II. Nợ dài hạn	330		350.277.907	405.373.307
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.14	346.875.760	346.875.760
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		3.402.147	58.497.547
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.706.043.848	22.815.660.351
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	23.706.043.848	22.815.660.351
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.182.180.000	15.182.180.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.709.856.523	2.709.856.523
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.653.093.255	1.653.093.255
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		711.381.823	711.381.823
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.449.532.247	2.559.148.750
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		43.995.116.056	44.395.578.453

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		737,68	737,32
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THỊ THU HÀ

Đồng Nai, ngày 19 tháng 07 năm 2012

GIÁM ĐỐC



VU ĐỨC ĐAN

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		44.560.550.554	41.849.480.981
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		837.487.297	787.148.884
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	43.723.063.257	41.062.332.097
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	33.844.784.253	31.132.035.229
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.878.279.004	9.930.296.868
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	32.217.246	281.348.297
7. Chi phí tài chính	22	6.4	578.754.116	930.963.736
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		576.465.416	601.000.813
8. Chi phí bán hàng	24		2.069.587.520	1.771.805.750
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	3.790.860.852	3.813.012.550
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.471.293.762	3.695.863.129
11. Thu nhập khác	31		151.043.769	199.811.025
12. Chi phí khác	32		65.172.418	184.636.954
13. Lợi nhuận khác	40		85.871.351	15.174.071
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.557.165.113	3.711.037.200
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	600.974.902	519.682.661
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.956.190.211	3.191.354.539
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70		1.947	2.102

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐỖ THỊ THU HÀ

Đồng Nai, ngày 19 tháng 07 năm 2012

GIÁM ĐỐC



VŨ ĐỨC ĐAN

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.557.165.113	3.711.037.200
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		737.026.636	586.558.548
Các khoản dự phòng	03		-	148.021.875
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(49.369.419)	(178.934.568)
Chi phí lãi vay	06		576.465.416	601.000.813
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.821.287.746	4.867.683.868
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.393.404.691)	(3.074.976.839)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.690.233.050	(1.289.901.453)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(107.101.548)	(738.299.082)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(6.623.800)	(299.555.700)
Tiền lãi vay đã trả	13		(576.465.416)	(601.000.813)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(316.045.427)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(389.596.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		2.038.329.342	(1.452.095.446)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(785.189.464)	(72.839.092)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		23.736.364	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.633.055	178.934.568
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(735.820.045)	106.095.476

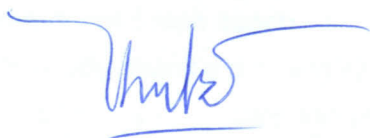
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		15.204.276.257	25.717.647.261
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(16.691.522.820)	(24.019.082.447)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.973.683.400)	(1.973.597.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.460.929.963)	(275.032.586)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(2.158.420.667)	(1.621.032.556)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.192.138.827	3.621.178.798
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		2.033.718.161	2.000.146.242

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THỊ THU HÀ

Đồng Nai, ngày 19 tháng 07 năm 2012



GIAM ĐỐC

VŨ ĐỨC ĐAN

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

- Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập từ việc chuyển đổi nhà máy Sơn Đồng Nai (Doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở Công Nghiệp Đồng Nai) theo Quyết định số 4636/QĐ-TTG ngày 13/12/1999 của Chủ Tịch UBND Tỉnh Đồng Nai.
- Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4703000004 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 09 năm 2010.
- Trụ sở và nhà máy được đặt tại đường số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.182.180.000đồng.
- Công ty có một đơn vị trực thuộc là chi nhánh đặt tại Khu Công Nghiệp Yên Phong, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, keo Xuất nhập khẩu, nguyên liệu và sản phẩm liên quan đến sơn và keo. Dịch vụ thi công về sơn.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Đối với tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.
- Đối với các khoản nợ phải thu dài hạn bằng ngoại tệ: Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Đối với các khoản nợ phải trả dài hạn bằng ngoại tệ:
 - + Trường hợp chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái thì chênh lệch tỷ giá hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ và tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì Công ty được phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho kỳ sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong kỳ đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các kỳ sau nhưng tối đa không quá 5 năm.
 - + Trường hợp chênh lệch giảm thì được hạch toán vào thu nhập tài chính.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 08 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	1.328.880.282	1.852.944.844
Tiền gửi ngân hàng	704.837.879	1.439.193.983
Các khoản tương đương tiền	-	900.000.000
Tổng cộng	2.033.718.161	4.192.138.827

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	16.320.291.980	14.451.477.061
Trả trước cho người bán	34.214.000	93.708.750
Các khoản phải thu khác	6.851.627.633	5.263.825.084
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	23.206.133.613	19.809.010.895
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.202.243.405)	(4.202.243.405)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	19.003.890.208	15.606.767.490

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu tiền gia công	5.495.054.778	4.640.060.460
Phải thu thuế nhập khẩu, phí hải quan đã nộp hộ	739.445.980	69.307.290
Phải thu khác	617.126.875	554.457.334
Cộng	6.851.627.633	5.263.825.084

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	7.135.922.097	9.021.010.914
Công cụ, dụng cụ	356.720.418	532.580.297
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	226.359.116	211.644.606
Thành phẩm	3.227.991.538	2.928.012.354
Hàng hóa	-	256.400
Cộng giá gốc hàng tồn kho	10.946.993.169	12.693.504.571
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	10.946.993.169	12.693.504.571

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng của nhân viên công ty.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	5.227.795.352	6.297.278.848	3.381.800.067	2.137.150.675	17.044.024.942
Tăng trong kỳ	63.091.100	265.910.352	499.993.636	12.472.728	841.467.816
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(87.500.000)	-	(87.500.000)
Số dư cuối kỳ	5.290.886.452	6.563.189.200	3.794.293.703	2.149.623.403	17.797.992.758
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.536.720.675	3.673.846.067	1.674.462.775	1.124.162.779	11.009.192.296
Khấu hao trong kỳ	99.685.040	311.553.208	173.753.061	152.035.327	737.026.636
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(87.500.000)	-	(87.500.000)
Số dư cuối kỳ	4.636.405.715	3.985.399.275	1.760.715.836	1.276.198.106	11.658.718.932
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	691.074.677	2.623.432.781	1.707.337.292	1.012.987.896	6.034.832.646
Tại ngày cuối kỳ	654.480.737	2.577.789.925	2.033.577.867	873.425.297	6.139.273.826

Giá trị của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là: 3.299.173.854 đồng.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.753.834.092 đồng

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Máy pha màu	358.208.054	358.208.054
Máy trộn sơn tự động	54.320.000	54.320.000
Tổng cộng	412.528.054	412.528.054

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	5.019.000.000	5.019.000.000
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	5.019.000.000	5.019.000.000

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty CP đầu tư Nhơn Trạch	81.900	819.000.000	81.900	819.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Sonadezi Châu Đức	420.000	4.200.000.000	420.000	4.200.000.000
Cộng	501.900	5.019.000.000	501.900	5.019.000.000

5.8. Tài sản dài hạn khác

Đây là khoản ký quỹ, ký cược nhằm mục đích thuê nhà xưởng tại khu công nghiệp Yên Phong Bắc Ninh theo hợp đồng thuê nhà xưởng số 58-2008/CTXD-HĐKT.

5.9. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng (VND)	5.891.542.439	6.647.726.202
Vay ngân hàng (USD)	-	731.062.800
Tổng cộng	5.891.542.439	7.378.789.002

Vay ngắn hạn ngân hàng bao gồm:

- Vay ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Biên Hoà theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/SĐN/2011/HĐTD ngày 01/06/2011, thời hạn vay 12 tháng, hạn mức tín dụng 14.000.000.000 đồng, lãi suất vay được ghi nhận theo từng giấy nhận nợ với lãi suất bình quân là 18,64%/năm đối với VND.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng BIDV theo HĐTD số 208/2011/HĐ ngày 20/07/2011, thời hạn vay 12 tháng, hạn mức tín dụng 6.000.000.000, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ với lãi suất bình quân là 17,92%/năm đối với VND và 7,2% đối với USD.

Mục đích các khoản vay này là bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh.

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng máy móc thiết bị, nhà máy sản xuất sơn.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	7.003.076.390	7.238.263.861
Người mua trả tiền trước	34.129.550	5.985.519
Tổng cộng	7.037.205.940	7.244.249.380

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.016.243.744	92.294.899
Thuế xuất, nhập khẩu	-	69.307.290
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.049.584.601	448.609.699
Thuế thu nhập cá nhân	201.872.064	239.021.363
Tổng cộng	2.267.700.409	849.233.251

5.12. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước chi phí điện tại phân xưởng	141.024.926	48.888.395
Trích trước tiền thưởng doanh số	700.430.249	1.051.500.000
Trích trước chi phí chiết khấu thương mại phải trả	-	85.668.480
Tổng cộng	841.455.175	1.186.056.875

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	27.301.746	25.625.951
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	150.000.000	150.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	293.212.804	386.898.764
Tổng cộng	470.514.550	562.524.715

5.14. Phải trả dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	346.875.760	346.875.760
Số dư cuối kỳ	346.875.760	346.875.760

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	15.182.180.000	(97.591.060)	1.966.040.794	1.422.784.973	481.073.541	2.748.164.989	21.702.653.237
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	4.840.459.373	4.840.459.373
Trích quỹ	-	-	509.522.001	230.308.282	230.308.282	(1.758.874.284)	(788.735.719)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(3.036.307.600)	(3.036.307.600)
Tăng khác	-	97.591.060	234.293.728	-	-	(234.293.728)	97.591.060
Số dư đầu năm nay	15.182.180.000	-	2.709.856.523	1.653.093.255	711.381.823	2.559.148.750	22.815.660.351
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	2.956.190.211	2.956.190.211
Trích quỹ	-	-	-	-	-	(92.123.314)	(92.123.314)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.973.683.400)	(1.973.683.400)
Số dư cuối kỳ	15.182.180.000	-	2.709.856.523	1.653.093.255	711.381.823	3.449.532.247	23.706.043.848

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	4.555.440.000	30%
Vốn góp của các đối tượng khác	10.626.740.000	70%
Tổng cộng	15.182.180.000	100%

5.15.3. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	1.518.218	1.349.641
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	1.518.218	1.349.641
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	-	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	1.518.218	1.349.641
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.15.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	2.956.190.211	3.191.354.539
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	1.518.218	1.518.218
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	1.947	2.102

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng	44.449.995.554	41.669.966.295
Doanh thu cung cấp dịch vụ	110.555.000	179.514.686
Chiết khấu thương mại	(461.686.438)	(595.866.162)
Hàng bán bị trả lại	(375.800.859)	(191.282.722)
Doanh thu thuần	43.723.063.257	41.062.332.097

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng đã bán	33.844.784.253	31.053.923.648
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	78.111.581
Tổng cộng	33.844.784.253	31.132.035.229

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	25.633.055	27.734.568
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	151.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.364.303	96.690.932
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.219.888	5.722.797
Tổng cộng	32.217.246	281.348.297

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	576.465.416	601.000.813
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.288.700	329.962.923
Tổng cộng	578.754.116	930.963.736

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	360.331.498	323.128.824
Chi phí nhân công	2.077.090.465	1.840.303.949
Chi phí khấu hao tài sản cố định	145.048.612	88.847.488
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	148.021.875
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền	1.208.390.277	1.412.710.414
Tổng cộng	3.790.860.852	3.813.012.550

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	3.557.165.113	3.711.037.200
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	12.172.000	11.850.000
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	-	(151.200.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	3.569.337.113	3.571.687.200
Trong đó		
Thu nhập được miễn thuế của chi nhánh Bắc Ninh	135.194.822	117.252.180
Thu nhập chịu thuế suất 15%	-	3.439.260.949
Thu nhập chịu thuế suất 25%	3.434.142.291	15.174.071
Thuế thu nhập doanh nghiệp	858.535.574	519.682.661
Thuế được giảm theo NQ13 ngày 10/05/2012	(257.560.672)	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	600.974.902	519.682.661

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.314.289.186	25.633.425.306
Chi phí nhân công	7.918.271.966	7.596.574.138
Chi phí khấu hao tài sản cố định	737.026.636	586.558.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.048.951.376	1.428.100.744
Chi phí khác bằng tiền	2.001.387.155	1.931.623.925
Tổng cộng	40.019.926.319	37.176.282.661

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát	68.040.000	81.800.000
Lương Ban Giám đốc và các nhân viên chủ chốt khác	395.396.370	418.770.569
Tổng cộng	463.436.370	500.570.569

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.11

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.033.718.161	4.192.138.827
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.613.103.352	14.889.294.116
Đầu tư dài hạn khác	5.019.000.000	5.019.000.000
Ký quỹ, ký cược	335.316.150	335.316.150
Tổng cộng	25.001.137.663	24.435.749.093
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.891.542.439	7.378.789.002
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	7.499.952.150	7.735.139.621
Chi phí phải trả	841.455.175	1.186.056.875
Tổng cộng	14.232.949.764	16.299.985.498

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2012	01/01/2012	30/06/2012	01/01/2012
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	68.400	102.325,13	737,68	737,32

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

30/06/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Các khoản vay	5.891.542.439	-	5.891.542.439
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	7.153.076.390	346.875.760	7.499.952.150
Chi phí phải trả	841.455.175	-	841.455.175
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Các khoản vay	7.378.789.002	-	7.378.789.002
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	7.388.263.861	346.875.760	7.735.139.621
Chi phí phải trả	1.186.056.875	-	1.186.056.875

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.613.103.352	-	17.613.103.352
Tài sản tài chính khác	-	5.019.000.000	5.019.000.000
Ký quỹ, ký cược	-	335.316.150	335.316.150
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.889.294.116	-	14.889.294.116
Tài sản tài chính khác	-	5.019.000.000	5.019.000.000
Ký quỹ, ký cược	-	335.316.150	335.316.150

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

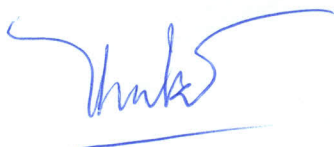
Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 19 tháng 07 năm 2012.

Đồng Nai, ngày 19 tháng 07 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THỊ THU HÀ



VŨ ĐỨC ĐAN